

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-28
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9-10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-30

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 06/GPĐC-UBCK ngày 10/01/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hồ Hưng	Chủ tịch	
Ông Trần Thiên Hà	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên	
Ông Đinh Quốc Thắng	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/4/2015

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Mai Hòa	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Ánh Ngọc	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Tâm	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Số: 1234/2015/BC.KTTC-AASC.KI2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		125.996.422.740	129.543.627.094
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	37.831.592.793	41.742.254.322
111	1. Tiền		831.592.793	2.142.254.322
112	2. Các khoản tương đương tiền		37.000.000.000	39.600.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	26.440.229.400	26.358.683.900
121	1. Đầu tư ngắn hạn		27.268.492.000	27.050.572.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(828.262.600)	(691.888.100)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	60.142.330.592	60.026.866.091
132	2. Trả trước cho người bán		16.000.000.000	12.000.000.000
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		46.253.227.588	50.137.763.087
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.110.896.996)	(2.110.896.996)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.582.269.955	1.415.822.781
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		284.913.250	37.310.000
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	1.251.270.075	1.251.270.075
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	46.086.630	127.242.706
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.334.582.967	5.800.516.455
220	II. Tài sản cố định		1.542.560.394	2.965.109.464
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	995.422.983	2.264.315.627
222	- Nguyên giá		5.052.768.446	6.052.768.446
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.057.345.463)	(3.788.452.819)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	547.137.411	700.793.837
228	- Nguyên giá		3.596.296.230	3.596.296.230
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.049.158.819)	(2.895.502.393)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	1.014.343.356	1.014.343.356
258	4. Đầu tư dài hạn khác		1.350.000.000	1.350.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(335.656.644)	(335.656.644)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.777.679.217	1.821.063.635
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	43.384.418
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	12	1.740.369.217	1.740.369.217
268	4. Tài sản dài hạn khác		37.310.000	37.310.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		130.331.005.707	135.344.143.549

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		19.765.026.494	23.337.531.734
310	I. Nợ ngắn hạn		19.765.026.494	23.337.531.734
312	2. Phải trả người bán		-	1.000.000.000
313	3. Người mua trả tiền trước		500.000.000	500.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.153.006.930	963.085.728
315	5. Phải trả người lao động		171.056.800	251.700.000
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	17.940.962.764	20.622.746.006
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		110.565.979.213	112.006.611.815
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	110.565.979.213	112.006.611.815
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	135.289.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	306.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	445.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(25.474.020.787)	(24.033.388.185)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		130.331.005.707	135.344.143.549



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
006	6. Chứng khoán lưu ký		197.277.580.000	192.596.510.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		195.493.810.000	188.386.970.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		1.176.780.000	985.340.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		192.748.030.000	185.832.630.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		1.569.000.000	1.569.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		1.666.200.000	4.208.800.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		1.666.200.000	4.208.800.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		117.570.000	740.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		117.570.000	740.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		635.970.000	670.420.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		635.970.000	670.420.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		635.970.000	670.420.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		10.380.000.000	10.410.000.000



Nguyễn Thanh Nghị
Người lập



Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu	16	3.366.774.554	3.254.347.649
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		2.162.149.134	655.728.241
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		12.000.000	62.219.527
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		265.454.000	5.973.741
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		8.858.326	17.838.745
01.9	Doanh thu khác		918.313.094	2.512.587.395
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	16	3.366.774.554	3.254.347.649
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	17	1.815.718.628	573.630.575
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		1.551.055.926	2.680.717.074
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	2.773.506.709	2.104.580.095
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.222.450.783)	576.136.979
31	8. Thu nhập khác	19	681.818.181	-
32	9. Chi phí khác	20	900.000.000	-
40	10. Lợi nhuận khác		(218.181.819)	-
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.440.632.602)	576.136.979
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.440.632.602)	576.136.979
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	(106)	43


Nguyễn Thanh Nghị
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởngTrần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.440.632.602)	576.136.979
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		522.549.070	577.578.372
03	- Các khoản dự phòng		136.374.500	(470.034.878)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(712.131.275)	(1.007.162.942)
06	- Chi phí lãi vay		-	81.708.859
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.493.840.307)	(241.773.610)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(34.308.425)	3.151.383.198
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(217.920.000)	(661.691.627)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.572.505.240)	(12.089.927.618)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(204.218.832)	(232.034.074)
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(81.708.859)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	38.923.658
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(56.550.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.522.792.804)	(10.173.378.932)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(60.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		681.818.181	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		930.313.094	1.007.162.942
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.612.131.275	947.162.942
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	600.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(6.398.605.752)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(5.798.605.752)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.910.661.529)	(15.024.821.742)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		41.742.254.322	68.820.042.237
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	37.831.592.793	53.795.220.495



Nguyễn Thanh Nghị
Người lập



Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

6 tháng đầu năm 2015	Thuyết minh	01/01/2015 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2015 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	-	-	135.289.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	-	-	306.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	-	-	445.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(24.033.388.185)	(1.440.632.602)	-	(25.474.020.787)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	112.006.611.815	(1.440.632.602)	-	110.565.979.213

6 tháng đầu năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2014 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	-	-	135.289.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	-	-	306.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	-	-	445.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(31.946.267.202)	576.136.979	-	(31.370.130.223)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	104.093.732.798	576.136.979	-	104.669.869.777

Nguyễn Thanh Nghị
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 06/GPĐC-UBCK ngày 10/01/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.289.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 135.289.000.000 đồng; tương đương 13.528.900 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 05 tháng 04 năm 2010 với mã giao dịch là APG.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Ngày 30/12/2014 Bộ Tài chính đã ban hành thông tư 210/2014/TT-BTC thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng, trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng; đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

2.14 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	62.450	809.744.000
- Cổ phiếu	62.450	809.744.000
Của người đầu tư	14.049.265	153.769.925.200
- Cổ phiếu	14.049.265	153.769.925.200
	14.111.715	154.579.669.200

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.188.993	8.499.173
Tiền gửi ngân hàng	328.258.243	779.651.635
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	502.145.557	1.354.103.514
Các khoản tương đương tiền	37.000.000.000	39.600.000.000
	37.831.592.793	41.742.254.322

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng giá trị 37.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

5 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị trước		Giảm so với giá trị trước		Tổng giá trị theo giá trị trước	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại			27.268.492.000	27.050.572.000	92.158.000	26.228.000	(828.262.600)	(691.888.100)	26.532.387.400	26.384.911.900
Chứng khoán niêm yết			286.192.000	68.272.000	92.158.000	26.228.000	(29.600.000)	-	348.750.000	94.500.000
- VND	11.625	7.500	70.592.000	68.272.000	92.158.000	26.228.000	-	-	162.750.000	94.500.000
- TVS	15.000	-	215.600.000	-	-	-	(29.600.000)	-	186.000.000	-
Chứng khoán Upcom			912.300.000	912.300.000	-	-	(798.662.600)	(691.888.100)	113.637.400	220.411.900
- NDS	88.034	88.034	788.725.500	788.725.500	-	-	(691.888.100)	(691.888.100)	96.837.400	96.837.400
- SDF	3.000	3.000	123.574.500	123.574.500	-	-	(106.774.500)	-	16.800.000	123.574.500
Chứng khoán chưa niêm yết (*)			26.070.000.000	26.070.000.000	-	-	-	-	26.070.000.000	26.070.000.000
- Công ty CP Bảo hiểm Nhà Rồng	13.000	13.000	145.000.000	145.000.000	-	-	-	-	145.000.000	145.000.000
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt	20.000	20.000	320.000.000	320.000.000	-	-	-	-	320.000.000	320.000.000
- Công ty CP Bất động sản Dầu khí	5.000	5.000	105.000.000	105.000.000	-	-	-	-	105.000.000	105.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.000.000	1.000.000	25.500.000.000	25.500.000.000	-	-	-	-	25.500.000.000	25.500.000.000
			27.268.492.000	27.050.572.000	92.158.000	26.228.000	(828.262.600)	(691.888.100)	26.532.387.400	26.384.911.900

(*) Đối với các chứng khoán chưa niêm yết, tại thời điểm cuối kỳ Công ty không thu thập được giá chứng khoán thực tế trên thị trường nên Công ty không trích lập dự phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

6 - CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	01/01/2015		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2015		Tổng số dự phòng đã lập	
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	VND
Trả trước cho người bán	12.000.000.000	-	16.000.000.000	12.000.000.000	16.000.000.000	-	-	-
- Trả trước tiền mua hàng lớn, dịch vụ	12.000.000.000	-	16.000.000.000	12.000.000.000	16.000.000.000	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	50.137.763.087	-	165.860.621.240	169.745.156.739	46.253.227.588	-	2.110.896.996	(2.110.896.996)
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	10.733.536	-	250.727.315	255.991.904	5.468.947	-	-	-
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán	3.322.504.124	-	61.419.570.689	63.270.726.946	1.471.347.867	-	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	34.705.000.000	-	-	799.737.889	33.905.262.111	-	2.110.896.996	(2.110.896.996)
- Phải thu hợp đồng margin	12.099.525.427	-	104.190.323.236	105.418.700.000	10.871.148.663	-	-	-
	62.137.763.087	-	181.860.621.240	181.745.156.739	62.253.227.588	-	2.110.896.996	(2.110.896.996)



Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tại ngày 01/01	2.110.896.996	400.000.000
Hoàn nhập	-	(192.255.278)
Tại ngày 30/06	2.110.896.996	207.744.722

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.251.270.075	1.251.270.075
Tổng cộng	1.251.270.075	1.251.270.075

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	40.886.630	122.042.706
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	5.200.000	5.200.000
Tổng cộng	46.086.630	127.242.706

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2015	5.052.768.446	1.000.000.000	6.052.768.446
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tại ngày 30/06/2015	5.052.768.446	-	5.052.768.446
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2015	3.738.452.819	50.000.000	3.788.452.819
Trích khấu hao	318.892.644	50.000.000	368.892.644
Thanh lý, nhượng bán	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Tại ngày 30/06/2015	4.057.345.463	-	4.057.345.463
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	1.314.315.627	950.000.000	2.264.315.627
Tại ngày 30/06/2015	995.422.983	-	995.422.983

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 852.981.647 đồng.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2015	3.596.296.230	3.596.296.230
Tại ngày 30/06/2015	<u>3.596.296.230</u>	<u>3.596.296.230</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2015	2.895.502.393	2.895.502.393
Trích khấu hao	153.656.426	153.656.426
Tại ngày 30/06/2015	<u>3.049.158.819</u>	<u>3.049.158.819</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2015	700.793.837	700.793.837
Tại ngày 30/06/2015	<u>547.137.411</u>	<u>547.137.411</u>

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Đầu tư dài hạn khác	1.350.000.000	1.350.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(335.656.644)	(335.656.644)
	<u>1.014.343.356</u>	<u>1.014.343.356</u>

(*) Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Sức khỏe Việt được thực hiện với tư cách cổ đông sáng lập. Theo điều lệ và giấy đăng ký kinh doanh, số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Sức Khỏe Việt là 30.000.000.000 VND, trong đó vốn góp cam kết của Công ty là 4.500.000.000 đồng (tương đương 450.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Tại ngày 30/06/2015, Công ty đã góp 1.350.000.000 đồng (tương đương 135.000 cổ phần). Số dự phòng được trích lập theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền nợ ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nợ bổ sung	1.061.385.014	1.061.385.014
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	558.984.203	558.984.203
Số dư cuối kỳ	<u>1.740.369.217</u>	<u>1.740.369.217</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	257.565.050	162.837.231
Thuế Thu nhập cá nhân	699.514.761	621.236.378
Các loại thuế khác	195.927.119	179.012.119
	1.153.006.930	963.085.728

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	4.775.000	6.605.000
Bảo hiểm xã hội	97.276.134	-
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	502.145.557	1.354.103.514
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	17.221.062.969	19.146.334.388
Phải trả cổ tức cho cổ đông	31.300.000	31.300.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	84.403.104	84.403.104
	17.940.962.764	20.622.746.006

(*) Khoản nhận đặt cọc của Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực theo hợp đồng môi giới mua trái phiếu số 13/2013/HDMG/EVNFC-ANPHAT ngày 10/06/2013 và phụ lục hợp đồng ngày 25/11/2014. Theo hợp đồng, Công ty sẽ thay mặt cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực tìm mua 2.000.000 trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 03 năm, lãi suất tối thiểu 10%/năm, thời hạn phụ lục hợp đồng đến 30/11/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Báo cáo tài chính

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2014					
Tại ngày 01/01/2014	135.289.000.000	306.000.000	445.000.000	(31.946.267.202)	104.093.732.798
Lãi trong kỳ	-	-	-	576.136.979	576.136.979
Tại ngày 30/06/2014	135.289.000.000	306.000.000	445.000.000	(31.370.130.223)	104.669.869.777
6 tháng đầu năm 2015					
Tại ngày 01/01/2015	135.289.000.000	306.000.000	445.000.000	(24.033.388.185)	112.006.611.815
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(1.440.632.602)	(1.440.632.602)
Tại ngày 30/06/2015	135.289.000.000	306.000.000	445.000.000	(25.474.020.787)	110.565.979.213

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	Tỷ lệ (%)	01/01/2015	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Nguyễn Hồ Hưng	22.575.000.000	16,69%	22.575.000.000	16,69%
Các cổ đông khác	112.714.000.000	83,31%	112.714.000.000	83,31%
	135.289.000.000	100%	135.289.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng	6 tháng
	đầu năm 2015	đầu năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.289.000.000	135.289.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	135.289.000.000	135.289.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	135.289.000.000	135.289.000.000
d) Cổ phiếu	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.528.900	13.528.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.528.900	13.528.900
- Cổ phiếu phổ thông	13.528.900	13.528.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.528.900	13.528.900
- Cổ phiếu phổ thông	13.528.900	13.528.900
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
16 . DOANH THU	6 tháng	6 tháng
	đầu năm 2015	đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu	3.366.774.554	3.254.347.649
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.162.149.134	655.728.241
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	12.000.000	62.219.527
- Doanh thu hoạt động tư vấn	265.454.000	5.973.741
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	8.858.326	17.838.745
- Doanh thu khác	918.313.094	2.512.587.395
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	3.366.774.554	3.254.347.649
17 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6 tháng	6 tháng
	đầu năm 2015	đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	53.528.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	136.374.500	(277.779.600)
Chi phí khác	-	81.708.859
Chi phí trực tiếp chung	1.679.344.128	716.173.316
	1.815.718.628	573.630.575

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.205.819.734	1.041.361.282
Chi phí khấu hao tài sản cố định	539.475.028	609.457.798
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	-	(192.255.278)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	815.301.980	501.456.752
Chi phí khác bằng tiền	209.909.967	141.559.541
	<u>2.773.506.709</u>	<u>2.104.580.095</u>

19 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	681.818.181	-
	<u>681.818.181</u>	<u>-</u>

20 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	900.000.000	-
	<u>900.000.000</u>	<u>-</u>

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.440.632.602)	576.136.979
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(24.840.285.558)	(31.977.292.902)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(12.000.000)	(31.025.700)
- <i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	(24.828.285.558)	(31.946.267.202)
Tổng thu nhập tính thuế	(26.280.918.160)	(31.401.155.923)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(1.251.270.075)	(1.251.270.075)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(1.251.270.075)	(1.251.270.075)

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(1.440.632.602)	576.136.979
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.440.632.602)	576.136.979
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.528.900	13.528.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(106)	43

23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trưng dương tiền	37.831.592.793	-	41.742.254.322	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	46.253.227.588	(2.110.896.996)	50.137.763.087	(2.110.896.996)
Dầu tư ngắn hạn	27.268.492.000	(828.262.600)	27.050.572.000	(691.888.100)
Dầu tư dài hạn	1.350.000.000	(335.656.644)	1.350.000.000	(335.656.644)
	112.703.312.381	(3.274.816.240)	120.280.589.409	(3.138.441.740)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác			17.940.962.764	21.622.746.006
			17.940.962.764	21.622.746.006

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.831.592.793	-	-	37.831.592.793
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	44.142.330.592	-	-	44.142.330.592
Đầu tư ngắn hạn	26.440.229.400	-	-	26.440.229.400
Đầu tư dài hạn	-	1.014.343.356	-	1.014.343.356
	108.414.152.785	1.014.343.356	-	109.428.496.141
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.742.254.322	-	-	41.742.254.322
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	48.026.866.091	-	-	48.026.866.091
Đầu tư ngắn hạn	26.358.683.900	-	-	26.358.683.900
Đầu tư dài hạn	-	1.014.343.356	-	1.014.343.356
	116.127.804.313	1.014.343.356	-	117.142.147.669

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2015				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	17.940.962.764	-	-	17.940.962.764
	<u>17.940.962.764</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>17.940.962.764</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	21.622.746.006	-	-	21.622.746.006
	<u>21.622.746.006</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>21.622.746.006</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động mới giới chứng khoán VND	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn VND	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phận VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	2.162.149.134	12.000.000	1.192.625.420	3.366.774.554	-	3.366.774.554
Chi phí bộ phận trực tiếp	380.101.063	136.374.500	-	516.475.563	-	516.475.563
Chi phí không phân bổ	-	-	-	1.299.243.065	-	1.299.243.065
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	1.782.048.071	(124.374.500)	1.192.625.420	1.551.055.926	-	1.551.055.926
Tài sản bộ phận trực tiếp	502.145.557	27.454.572.756	61.882.699.809	89.839.418.122	-	89.839.418.122
Tài sản không phân bổ	-	-	-	40.491.587.585	-	40.491.587.585
Tổng tài sản	502.145.557	27.454.572.756	61.882.699.809	130.331.005.707	-	130.331.005.707
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	17.940.962.764	-	500.000.000	18.440.962.764	-	18.440.962.764
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.324.063.730	-	1.324.063.730
Tổng nợ phải trả	17.940.962.764	-	500.000.000	19.765.026.494	-	19.765.026.494

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo Khu vực địa lý.



26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	259.368.000	268.146.000

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014; số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.



Nguyễn Thanh Nghị
Người lập



Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

